

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 308/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Bùi Văn Đ; Sinh ngày: 16/12/1984

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038084052212; Cấp ngày 21/01/2025

Chị Nguyễn Thị H; Sinh ngày: 22/06/1990

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

Số CCCD: 038190034286; Cấp ngày 14/06/2022

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 08/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên phải đi làm xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7- Thanh Hóa giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh Đ và chị H.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Minh H, sinh ngày 27/05/2009 và Bùi Minh Q, sinh ngày 15/12/2011. Ly hôn, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản chung: Anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 15/12/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Minh H, sinh ngày 27/05/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh Đ, chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Anh Bùi Văn Đ tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số:BLTU/26E/0001675 ngày 07/9/2026. Anh Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.



THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc